

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29 /2019/DS - ST

Ngày: 12-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thúy Hằng

2. Ông Thạch Khêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường– Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Yến N**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Ngãi Phú A, xã Ngãi H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Vân A**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp Ngãi Phú A, xã Ngãi H, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Yến N trình bày:

Vào tháng 11/2018 chị có vay tiền tiêu dùng của Ngân hàng số tiền là 30.000.000 đồng. Sau khi vay cũng trong tháng 11/2018 chị có cho chị Huỳnh Thị Vân A vay lại số tiền bằng 8.000.000 đồng và thỏa thuận chị Vân A sẽ góp tiền cho chị 08 tháng, một tháng là 1.670.000 đồng, sau khi nhận tiền thì chị Vân A có góp cho chị được một lần là 1.670.000 đồng (trong đó chị nhận tiền mặt là 1.500.000 đồng, do chị có thiếu tiền của chị Th bán hàng trong công ty 170.000 đồng nên chị có nói với chị Vân A trả dùm cho chị Th 170.000.00 đồng), từ đó đến nay chị Vân A không có góp tiền cho chị nữa, việc chị cho chị Vân A vay số tiền 8.000.000 đồng không có làm biên nhận không có ai chứng kiến nhưng chị Vân A có nhắn tin cho chị vào ngày 06/4/2019 qua số điện thoại 0335831850 với nội dung tin nhắn “ *Em Vân A nè, điện thoại của thằng K, chị đưa em 8.000.000 đồng em đã góp hết một lần, còn 7 triệu nữa đúng ngày 17 này mẹ em lãnh tiền bảo hiểm xã hội em mượn mẹ em em sẽ trả cho chị 1 lần luôn rồi sau này chị ba tự góp em không góp nữa vì em nghèo nên chị ba mới không để em vay àh...* ”. Chị không có cho chị Vân A vay 2.000.000 đồng. Chị Vân A cho rằng vay 8.000.000 đồng đóng lãi 100.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng là không đúng, mà chị chỉ cho chị Vân A vay 8.0000.000 đồng và thỏa thuận chị Vân A sẽ góp cho chị 08 tháng, một tháng là 1.670.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu chị Vân A phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền bằng 6.330.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2019 quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Huỳnh Thị Vân A trình bày:

Trước tết nguyên đán năm 2019 không nhớ ngày tháng năm nào chị có vay của chị Yên N số tiền bằng 8.000.000 đồng, việc vay 8.000.000 đồng không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến, thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng đóng lãi 100.000 đồng. chị có đóng lãi cho chị N được 2-3 lần gì đó chị không nhớ chính xác, số tiền vốn đã trả 03 lần một lần 1.000.000 đồng, một lần 5.000.000 đồng, một lần 2.000.000 đồng, việc trả tiền cho chị N không có làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến.

Chị thừa nhận số điện thoại 0335831850 là số điện thoại của chồng chị, chị có lấy điện thoại của chồng chị để nhắn tin cho chị N với nội dung tin nhắn “ *Em Vân A nè, điện thoại của thằng K, chị đưa em 8.000.000 đồng em đã góp hết một lần, còn 7 triệu nữa đúng ngày 17 này mẹ em lãnh tiền bảo hiểm xã hội em mượn mẹ em em sẽ trả cho chị 1 lần luôn rồi sau này chị ba tự góp em không góp nữa vì em nghèo nên chị ba mới không để em vay àh...* ” Sau khi nhắn tin cho chị N thì chị đã trả cho chị 02 lần một lần 5.000.000 đồng và một lần 2.000.000 đồng. Xem như hiện nay đã trả cho chị N đủ số tiền là 8.000.000 đồng.

Ngoài ra trước tết nguyên đán 2019 không nhớ ngày tháng năm nào cũng cùng với thời gian vay 8.000.000 đồng chị có mượn của chị N số tiền bằng 2.000.000 đồng, việc vay mượn hai bên không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến, hai bên có thỏa thuận chị sẽ đóng cho chị N một tháng bằng 1.670.000 đồng, chị có trách nhiệm đóng cho chị N 02 tháng thì sẽ trừ vào khoảng tiền 2.000.000 đồng mà chị

mượn của chị N, sau khi nhận 2.000.000 đồng thì chị có đóng cho chị N được một lần bằng 1.670.000 đồng (trong đó đưa cho chị N tiền mặt là 1.500.000 đồng, do chị có thiếu tiền của chị Th bán hàng trong công ty 170.000 đồng nên chị N có nói với chị trả dùm cho chị Th 170.000.00 đồng), nay chỉ còn đóng cho chị N một lần bằng 1.670.000 đồng nữa sẽ dứt nợ 2.000.000 đồng mà chị mượn của chị N.

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Yến N, buộc chị Huỳnh Thị Vân A phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Yến N số tiền bằng 6.330.000 đồng.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp*: Không có.

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp*: Không có.

Những tình tiết các bên thống nhất: Chị Huỳnh Thị Vân A thừa nhận có mượn của chị Huỳnh Thị Yến N số tiền bằng 8.000.000 đồng.

Những tình tiết các bên không thống nhất:

Chị Huỳnh Thị Vân A cho rằng đã trả cho chị Yến N số tiền đã mượn bằng 8.000.000 đồng, chị Yến N không thừa nhận đã nhận 8.000.000 đồng của chị Huỳnh Thị Vân A, chị N thừa nhận chỉ nhận là 1.670.000 đồng của chị Huỳnh Thị Vân A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2019 chị Yến N khởi kiện yêu cầu chị Vân A phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị số tiền vốn vay bằng 8.000.000 đồng, tại phiên tòa chị N thống nhất cản trừ số tiền mà chị đã nhận của chị

Vân A bằng 1.670.000 đồng, chị chỉ yêu cầu chị Vân A có trách nhiệm trả cho chị số tiền bằng 6.330.000 đồng chị Yến N không yêu cầu tính lãi, quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Vân A thừa nhận có vay của chị Yến N số tiền bằng 8.000.000 đồng. Như vậy có sự việc chị Vân A có vay tiền của chị Yến N bằng 8.000.000 đồng.

[2] Tuy nhiên chị Vân A cho rằng việc vay số tiền 8.000.000 đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất là 100.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng sau khi vay tiền của chị Yến N chị có đóng lãi cho chị Yến N được 2-3 lần gì đó chị không nhớ và có trả số tiền vốn gốc cho chị Yến N xong cụ thể lần đầu 1.000.000 đồng, lần thứ hai là 5.000.000 đồng, lần thứ 3 là 2.000.000 đồng, số tiền này là do chị mượn của mẹ ruột chị tên là Diệp Thị X ngụ tại ấp Tân TK, xã HTr, huyện TC, tỉnh Trà Vinh để trả cho chị N. Chị N thì cho rằng chị cho vay 8.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận chị Vân A sẽ góp cho chị 8 tháng mỗi một tháng bằng 1.670.000 đồng không thừa nhận có thỏa thuận lãi suất 100.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng như chị Vân A trình bày, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Vân A không có gì chứng minh có thỏa thuận tiền lãi, trả lãi, trả vốn như chị Vân A trình bày, mặc khác Tòa án có tiền hành lấy lời khai của bà Diệp Thị X là mẹ ruột của chị Vân A thì được bà X xác nhận khoảng tháng 4/2019 Vân A có đến nhà bà để hỏi mượn tiền trả nợ cho người bà con bên chồng, nhưng bà không biết tên gì và cũng không có chứng kiến việc Vân A trả nợ cho người này, lần đầu bà có đưa cho Vân A là 5.000.000 đồng, lần thứ hai bà đưa cho Vân A là 2.000.000 đồng.

[3] Đối với lời trình bày của chị Vân A cho rằng có vay của chị N bằng 2.000.000 đồng thỏa thuận trả tám tháng mỗi một tháng bằng 1.670.000 đồng, chị đã trả cho chị N được một lần bằng 1.670.000 đồng, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị N không thừa nhận có cho chị Vân A vay số tiền 2.000.000 đồng mà chỉ cho chị Vân A vay bằng 8.000.000 đồng nên chị chỉ yêu cầu chị Vân A phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền bằng 6.330.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

[4] Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Yến N, chấp nhận lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC

[5] Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Vân A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Yến N

Buộc chị Huỳnh Thị Vân A phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Yến N số tiền bằng 6.330.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị đơn chị Huỳnh Thị Vân A phải chịu 316.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Yến N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Yến N số tiền tạm ứng án phí bằng 200.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004447 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Thạch Thị Thu Hiền

